TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/DS-PT
Ngày: 02 - 3 - 2023
"V/v: Tranh chấp di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Sỹ
Các Thẩm phán: Ông Võ Bá Lưu và ông Trần Trung Thành

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Ngọc Loan - Kiểm sát viên

Ngày 02/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2022/TLPT - DS ngày 23 tháng 8 năm 2022 về việc tranh chấp di sản thừa kế. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2022/DS - ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Tuyên Hóa bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 217/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:***

+ Ông Lê Thanh H1, sinh năm 1977. Có mặt.

+ Ông Lê Quốc H2, sinh năm 1975. Vắng mặt.

+ Ông Lê Mạnh H3, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Ông H1, ông H2 và ông H3 đều có địa chỉ: Thôn T, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình.

+ Ông Lê Chí M, sinh năm 1967; địa chỉ: thôn A, xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Bà Lê Thị T1, sinh năm 1971. Vắng mặt.

+ Bà Lê Thị Hồng M1, sinh năm 1973. Vắng mặt.

+ Bà Lê Thị Kim T2, sinh năm 1982. Vắng mặt.

+ Bà Lê Thị Kim T3, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Bà T1, bà M1, bà T2 và bà T3 đều có địa chỉ cư trú tại: 155/4 B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Các nguyên đơn (ông H2, ông H3, ông M, bà T1, bà M1, bà T2 và bà T3) đều ủy quyền cho ông Lê Thanh H1 (nguyên đơn trong vụ án) tham gia tố tụng tại Tòa án.

***2. Bị đơn**:* Ông Lê Văn S, sinh năm 1969; địa chỉ: Tiểu khu Đ, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Phạm Thị T4 - Địa chỉ: Tiểu khu Đ, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (ủy quyền cho bị đơn Lê Văn S).

+ Bà Hồ Thị M2 - Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (có đơn xin phép vắng mặt).

+ Ông Hoàng Duy Đ - Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (có đơn xin phép vắng mặt).

+ Bà Phạm Thị H - Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

***4. Người kháng cáo**:* Ông Lê Thanh H1, là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn thống nhất trình bày:*** Bố mẹ của nguyên đơn và bị đơn là cụ Lê Văn T5 và cụ Đinh Thị B sinh được 09 người con, gồm: Ông Lê Chí M - sinh năm 1967, ông Lê Văn S - sinh năm 1969, bà Lê Thị T1 - sinh năm 1971, bà Lê Thị Hồng M1 - sinh năm 1973, ông Lê Quốc H2 - sinh năm 1975, ông Lê Thanh H1 - sinh năm 1977, ông Lê Mạnh H3 - sinh năm 1980, bà Lê Thị Kim T2 - sinh năm 1982 và bà Lê Thị Kim T3 - sinh năm 1987.

Năm 1989 thì bố mẹ (cụ T5 và cụ B) ly hôn. Sau khi ly hôn, ngày 22/12/1992 cụ T5 mua lại nhà và đất của bà Hồ Thị M2 ở tiểu khu Đ, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình để ở. Nguồn gốc nhà đất mà bà M2 bán cho cụ T5 trước đây là của vợ chồng bà Hồ Thị M2 và ông Hoàng Duy Đ nhưng sau khi bà M2 với ông Đ ly hôn thì Tòa án đã giao cho bà M2 được quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng, trong đó bao gồm nhà và đất. Do bà M2 không có nhu cầu sử dụng nên đã bán lại cho cụ T5, khi bán bà M2 có giao lại quyết định cấp đất cho cụ T5 và việc mua bán giữa bà M2 với cụ T5 được các cấp có thẩm quyền xác nhận. Quá trình sử dụng cụ T5 có tu sửa lại nhà cửa, thay mái lợp Fibro ximăng và xây tường bao xung quanh. Năm 1997, cụ T5 kê khai thuế nhà đất. Năm 2007, UBND huyện T ra quyết định thu hồi 1,4 m^2 đất ở của cụ T5 để phục vụ nâng cấp quốc lộ 12A. Việc sử dụng đất ổn định không có tranh chấp, hằng năm cụ T5 đều thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đầy đủ, đang trong thời gian chờ các cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ T5 bệnh nặng và qua đời vào ngày 10/02/2013. Cụ T5 chết, không để lại di chúc.

Năm 2011, vợ chồng ông Lê Văn S mượn đất của bố (cụ T5) để làm quán và chuyển ra sống cùng với bố. Sau khi bố mất thì ông S đã tự ý xây dựng nhà và các công trình phụ trên đất của bố để lại. Sau khi phát hiện sự việc, anh chị em trong gia đình đã báo với chính quyền địa phương và chính quyền đã ra quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình trái phép nói trên. Hiện tại vợ chồng ông Lê Văn S và bà Phạm Thị T4 đã chiếm giữ sử dụng toàn bộ diện tích đất đai, nhà cửa và các tài sản trên đất mà bố ông để lại. Các anh em đã có cuộc họp gia đình để bàn

bạc giải quyết về việc phân chia di sản của bố để lại cho hợp tình, hợp lý, nhằm đảm bảo quyền lợi cho tất cả anh em và dành ra một diện tích để lập nhà từ đường thờ cúng tổ tiên ông bà nhưng ông S không đồng ý. Nay ông Lê Thanh H1 và các đồng thừa kế có yêu cầu khởi kiện chia di sản của bố là cụ Lê Văn T5 bao gồm quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 36, diện tích 521,1m^2 (đất ở: 374m^2 và đất vườn: 147,1m^2) địa chỉ: tiểu khu Đ, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình.

- ***Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn S trình bày:*** Ông S thống nhất với trình bày của nguyên đơn về thời gian cụ T5, cụ B ly hôn; thời điểm cụ T5 chết, về các con của cụ T5 và cụ B.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế thì ông S có ý kiến như sau: Sau khi ly hôn với mẹ thì bố ông (cụ T5) có mua lại của bà Hồ Thị M2 một ngôi nhà tranh hai gian, lúc này bà M2 đã ly hôn với ông Đ. Theo quyết định ly hôn của Tòa án, bà M2 chỉ có quyền sở hữu nhà, còn đất là thuộc quyền sử dụng của ông Đ. Đến năm 2011, vợ chồng ông về sống với bố tại ngôi nhà này, để có cơ sở yêu cầu nhà nước công nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất mà cả gia đình đang sinh sống, ông S đã tìm gặp ông Đ và ông Đ đồng ý bán lại thửa đất trên với giá 105.000.000 đồng cho vợ chồng ông S. Việc mua bán giữa ông S với ông Đ được lập giấy viết tay. Năm 2011, bố ông có viết di chúc để lại tài sản là ngôi nhà và diện tích đất nói trên cho vợ chồng ông S. Vợ chồng ông S đang trong giai đoạn làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bố ông mất. Ông không đồng ý việc ông Lê Thanh H1 và các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 36, vì đây không phải là di sản thừa kế của bố để lại. Theo ông S thì tài sản của bố để lại chỉ có ngôi nhà tranh 2 gian trước đây mua của bà M2 hiện đã xây tường bao quanh, mái lợp Broximăng, còn thửa đất vợ chồng ông mua của ông Hoàng Duy Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Ý kiến của bà Phạm Thị T4 (vợ của bị đơn Lê Văn S): Nhất trí như ý kiến của ông Lê Văn S.

+ Ý kiến của bà Hồ Thị M2: Ông Hoàng Duy Đ và bà M2 trước năm 1992 là vợ chồng. Tháng 2 năm 1992, hai người đã ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn. Phần tài sản chung của vợ chồng bà M2 chỉ được sở hữu: Một ngôi nhà tranh 2 gian lợp lá và một số tài sản khác của vợ chồng tổng trị giá khoảng 1.000.000đ. Sau khi ly hôn do bà M2 không có chỗ ở và đang nuôi con nhỏ nên bà M2 xin ông Đ cho bà tiếp tục ở tạm ngôi nhà trên thửa đất và ông Đ đồng ý, còn ông Đ về quê sinh sống. Tháng 12/1992, bà M2 chuyển về quê xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình sinh sống. Trước khi về quê bà M2 đã bán lại ngôi nhà tranh 2 gian lợp lá cho ông Lê Văn T5 với giá 700.000đ (có xác nhận của chính quyền địa phương). Bà Hồ Thị M2 khẳng định thửa đất là của ông Đ, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Đ để làm nhà ở nên bà không bán cho ông T5.

+ Ý kiến trình bày của ông Hoàng Duy Đ: Ông Hoàng Duy Đ được chủ tịch UBND huyện T ký quyết định cấp thửa đất với diện tích 374m^2 tại tiểu khu Đ, thị

trấn Đ, huyện T, theo quyết định số: 184/QĐ-UB ngày 09/5/1988. Khi ly hôn vợ chồng chỉ có 01 ngôi nhà nên ông Đ đã đồng ý giao cho bà M2. Do bà M2 phải nuôi con nhỏ nên ông Đ đồng ý cho bà M2 ở tạm trong ngôi nhà trên thửa đất của Ông cho đến khi con trưởng thành thì trả lại đất cho ông, còn ông Đ về quê tại thôn L, xã C, huyện T để sống. Năm 2011, ông Đ phát hiện vợ chồng ông S làm nhà trên thửa đất, ông Đ yêu cầu vợ chồng ông S phải di dời tài sản để trả lại đất cho ông Đ. Sau đó giữa hai bên thương lượng nên ông Đ đồng ý bán thửa đất này cho vợ chồng ông S với giá là 105.000.000 đồng, hai bên viết giấy mua bán nhưng đến nay vẫn chưa làm được thủ tục chuyển nhượng. Ông Đ khẳng định thửa đất trên là của ông vì quyết định cấp đất được cơ quan nhà nước cấp cho ông Đ bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

- Tại Bản án số: 07/2022/DS - ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 của TAND huyện Tuyên Hóa đã quyết định*: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện về "Tranh chấp phân chia di sản" của các đồng nguyên đơn: ông Lê Thanh H1, ông Lê Quốc H2, ông Lê Mạnh H3, ông Lê Chí M, bà Lê Thị T1, bà Lê Thị Hồng M1, bà Lê Thị Kim T2 và bà Lê Thị Kim T3 đối với ông Lê Văn S.*

1. Áp dụng điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà Hồ Thị M2.

2. Áp dụng các Điều 584; 585; 586 ; 649; 650 vàđiểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc ông Lê Văn S phải trả lại số tiền cho các đồng thừa kế sở hữu theo kỷ phần, cụ thể: ông Lê Thanh H1 số tiền: 9.738.000đ; ông Lê Quốc H2 số tiền 9.738.000đ; ông Lê Mạnh H3 số tiền 9.738.000đ; ông Lê Chí M số tiền 9.738.000đ; bà Lê Thị T1 số tiền 9.738.000đ ; bà Lê Thị Hồng M1 số tiền 9.738.000đ; bà Lê Thị Kim T2 số tiền 9.738.000đ; bà Lê Thị Kim T3 số tiền 9.738.000đ.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đồng thừa kế giao lại kỷ phần thừa kế của ông Lê Quốc H2; ông Lê Mạnh H3; ông Lê Chí M; bà Lê Thị T1; bà Lê Thị Hồng M1; bà Lê Thị Kim T2 và bà Lê Thị Kim T3 cho ông Lê Thanh H1 được sở hữu.

Ông Hoàng Duy Đ được tiếp tục quản lý và sử dụng thửa đất được cấp cho ông Hoàng Duy Đ theo quyết định số:184/QĐ - UB ngày 09/5/1988 của Chủ tich UBND huyện T, tỉnh Quảng Bình.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn buộc nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch trên tổng số tiền được hưởng, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 27/7/2022, ông Lê Thanh H1 làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án hủy bản án sơ thẩm số: 07/2022/DS - ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 của TAND huyện Tuyên Hóa vì Bản án sơ thẩm không xác định tài sản tranh chấp là di sản của ông Lê Văn T5 để lại. Đồng thời, bản án sơ thẩm không xử lý tiền tạm ứng án phí phúc thẩm năm 2017 và tuyên xử lý không chính xác về số tiền đã nộp chi phí thẩm định, định giá; không định giá theo giá thị trường đã làm ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của đồng nguyên đơn.

Vụ án này trước đó Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa đã giải quyết sơ thẩm lần 1. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2017/DSST ngày 20/6/2017 của TAND

huyện Tuyên Hóa đã quyết định: Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Lê Thanh H1 và các đồng nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất và nhà ở của ông Lê Văn T5 tại tiểu khu Đ, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Chia di sản bằng giá trị không chia bằng hiện vật. Giao toàn bộ di sản đất và nhà cho ông Lê Văn S sử dụng, ông S phải giao lại phần giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế khác.

Tại Bản án Dân sự phúc thẩm số: 26/2017/DS-PT ngày 14/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định: Sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh H1 và các đồng nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn T5 theo pháp luật, cụ thể: Chia cho ông Lê Thanh H1 được quyền sở hữu và sử dụng ngôi nhà thứ 2 và ngôi nhà thứ 3, các tài sản khác gắn liền với diện tích 321,8m^2, bao gồm 230m^2 đất ở và 91.8m^2 đất trồng cây lâu năm. Chia cho ông Lê Văn S được quyền sở hữu và sử dụng ngôi nhà số một, các tài sản khác gắn liền với diện tích 199.3m^2, bao gồm 142.6m^2 đất ở và 56.7m^2 đất trồng cây lâu năm. Các bên bù trừ nghĩa vụ chênh lệch giá trị được hưởng cho nhau.

Quyết định Giám đốc thẩm số: 12/2021/DS-GĐT ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận định: Bản án sơ thẩm số 04/2017/DSST ngày 20/6/2017 của TAND huyện Tuyên Hóa xác định toàn bộ tài sản tranh chấp là di sản nhưng không chia bằng hiện vật là không đúng vì di sản không thuộc trường hợp không thể phân chia bằng hiện vật theo quy định tại khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự. Bản án Dân sự phúc thẩm số: 26/2017/DS-PT ngày 14/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình chia di sản thừa kế bằng hiện vật, tuy nhiên thực tế không thể thi hành do một phần ngôi nhà thứ hai nằm chồng lên một phần diện tích có ngôi nhà thứ nhất 18,8m^2, ngoài ra bản án phúc thẩm còn có thiếu sót như không xem xét chi phí tố tụng và tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số: 26/2017/DS - PT ngày 14/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình và Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2017/DS-ST ngày 20/6/2017 của TAND huyện Tuyên Hóa. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại buổi làm việc ngày 04/11/2022, ông Lê Văn S khai nhận: khoảng cuối năm 2018, ông S đã tháo dỡ ngôi nhà cũ của bố để lại, sau đó cho bà Phạm Thị H thuê đất, bà H đã xây nhà ống đơn giản, mái lợp tôn, hiện bà H đang sử dụng để kinh doanh. Điều này bà H cũng thừa nhận tại buổi làm việc ngày 14/11/2022, bà H yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà nếu việc giải quyết tranh chấp ảnh hưởng đến việc kinh doanh và tài sản của bà đã xây dựng trên thửa đất đang tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Lê Thanh H1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Ông Lê Văn S không đồng ý với nội dung kháng cáo của ông Lê Thanh H1, đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện thì trên thửa đất mà nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế hiện đang có 01 ngôi nhà của bà Phạm Thị H, tuy nhiên cấp sơ thẩm không đưa bà H vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bỏ sót người tham gia tố tụng. Mặt khác cấp sơ thẩm phân chia di sản thừa kế tính trị giá bằng tiền (không chia bằng hiện vật), nhưng lại không áp dụng giá thị trường tại thời điểm định giá là không đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra việc xử lý án phí và chi phí tố tụng của cấp sơ thẩm cũng không đúng (xử lý chưa hết số tiền mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng). Những sai sót trên làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, và không thể bổ sung tại phiên tòa phúc thẩm. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Thanh H1 để hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2022/DSST ngày 12/7/2022 và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, nguyên đơn ông Lê Thanh H1 kháng cáo Bản án sơ thẩm. Xét thấy đơn kháng cáo của ông H1 là hợp lệ nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, một số nguyên đơn và toàn bộ người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có giấy ủy quyền hoặc có đơn xin phép vắng mặt (trừ bà Phạm Thị H vắng mặt không có lý do), nên Tòa án tiếp tục xét xử vụ án theo quy định.

[2] Theo đơn khởi kiện và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của bố (cụ T5) gồm thửa đất số 24, tờ bản đồ số 36, diện tích 521,2m^2 và ngôi nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất tại tiểu khu Đ, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Hiện tại thửa đất và ngôi nhà đang do bị đơn ông Lê Văn S trực tiếp quản lý, sử dụng.

[3] Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện các bên đương sự khai thống nhất: Sau khi cụ T5 và cụ B ly hôn (năm 1989), đến năm 1992 thì cụ T5 đã mua lại ngôi nhà gỗ hai gian, tọa lạc trên thửa đất số 24, tờ bản đồ số 36 của bà Hồ Thị M2. Quá trình sử dụng cụ T5 đã sửa chữa, xây tường bao quanh, lợp lại mái nhà để ở và cải tạo đất để sử dụng. Năm 2011, vợ chồng ông S bà T4 về sống chung với cụ T5, đến ngày 10/02/2013 cụ T5 chết, sau khi cụ T5 chết thì vợ chồng ông S tiếp tục quản lý, sử dụng nhà và thửa đất cho đến nay. Nội dung này các bên đương sự đều biết và được Tòa án thừa nhận nên không cần phải chứng minh.

[4] Bị đơn, ông Lê Thanh S cho rằng trước khi bố (cụ T5) chết thì bố có viết giấy tặng cho ông S ngôi nhà cấp 4 mà bố đã mua lại của bà M2. Theo ông S thì đó là di chúc của bố để lại tài sản cho ông S. Tuy nhiên, không có cơ sở để khẳng định tờ giấy viết tay do ông S xuất trình là do chính cụ T5 viết ra và thể hiện đúng ý chí nguyện vọng của cụ T5. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận ý kiến của ông S về

việc cho rằng trước khi chết cụ T5 đã để lại di chúc cho ông S tài sản của cụ T5 là có cơ sở.

[5] Về nguồn gốc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 36, tại tiểu khu Đ, thị trấn Đ, huyện T. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[5.1] Trước đây, trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Đ và bà M2 còn tồn tại, do vợ chồng ông Đ chưa có nhà ở nên ông Đ đã làm đơn xin cấp đất để xây dựng nhà ở và đã được UBND huyện T giao đất tại Quyết định số: 184/QĐ-UB ngày 09/5/1988 về việc "*giao đất xây dựng nhà ở gia đình*", diện tích 374 m^2, người đứng tên trong quyết định giao đất là ông Hoàng Duy Đ.

Điều 35 Luật đất đai năm 1987 quy định: "... *Chỉ được giao đất ở trong khu dân cư cho những hộ chưa có nhà ở;... định mức giao đất cho mỗi hộ không được quá mức quy định cho từng vùng như sau: ... c) Miền núi và tây nguyên: 400 m^2*".

Như vậy, mặc dù trong quyết định giao đất chỉ ghi tên một mình ông Đ nhưng cần xác định đây là diện tích đất mà Ủy ban nhân dân huyện T đã giao cho vợ chồng ông Đ, bà M để xây dựng nhà ở gia đình theo đúng quy định của Luật đất đai năm 1987, chứ không phải cấp đất riêng cho một mình ông Đ, như ý kiến của ông Đ, bà M2 và ông S đã trình bày.

[5.2] Năm 1992, ông Hoàng Duy Đ và bà Hồ Thị M2 làm thủ tục ly hôn. Tại Biên bản hòa giải của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa ngày 28/4/1992 ghi nhận sự thỏa thuận ly hôn phân chia tài sản chung của ông Đ và bà M như sau: *"....Về tài sản có một ngôi nhà 02 gian lợp tranh (600.000 đồng **cả vườn**), ... hai bên thỏa thuận để lại cho chị M2 sử dụng....."*. Căn cứ biên bản này, Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa đã ra Quyết định số 01 ngày 28/4/1992 công nhận thuận tình ly hôn và phân chia tài sản chung của ông Đ, bà M2 phù hợp với biên bản hòa giải tại Tòa án. Như vậy, sau khi ly hôn thì bà M2 được nhận một số tài sản trong đó có cả ngôi nhà gắn liền với thửa đất đã được UBND huyện T, tỉnh Quảng Bình giao để xây dựng nhà ở gia đình.

Nội dung trên cũng phù hợp với "Giấy bán nhà" của bà bà Hồ Thị M2 bán nhà cho ông Lê Văn T5, trên giấy có ghi: *"...Tôi đã giao mọi giấy tờ và sơ đồ giao đất cho ông T5 sử dụng..... Trên phần đất của tôi đã giao lại cho ông T5 có một nữa ao cá vì ao đó trước đây anh Đ(chồng cũ của tôi) cùng nhà ông S thuê máy ủi chung - Nay cũng bàn giao cho ông T5 luôn."*. Điều này thể hiện ý chí của bà M2 chuyển nhượng cả nhà và đất, chứ không phải chỉ chuyển nhượng nhà mà không chuyển nhượng đất như ý kiến của ông S và bà M2.

[5.3] Mặt khác, sau khi nhận chuyển nhượng nhà, đất từ bà M2 năm 1992 thì cụ T5 đã trực tiếp sửa chữa nhà, xây tường bao quanh; trực tiếp kê khai đăng ký quyền sử dụng đất tại địa phương, đã được cơ quan chức năng xác định trong sổ địa chính và bản đồ cấp đất; nộp thuế sử dụng đất đầy đủ; quá trình sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp. Tại Công văn số 15/CV-TNMT ngày 03/11/2015 về việc trả lời công văn của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T thể hiện: "... *Qua kiểm tra hồ sơ, sổ sách, bản đồ địa chính*

2003 của thị trấn Đ thì thửa đất số 24, tờ bản đồ 36, diện tích 521,1 m^2 mang tên chủ sử dụng là ông Lê Văn T5, ...".

[6] Từ các nội dung đã được phân tích ở mục [5] cho thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cho rằng: "*... sau khi ly hôn bà M2 chỉ được sử dụng, sở hữu ngôi nhà, còn thửa đất là tài sản riêng và thuộc quyền sử dụng của ông Hoàng Duy Đ"* và từ nhận định đó, Tòa án sơ thẩm đã Quyết định không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất của cụ T5 để lại cho các đồng thừa kế (nguyên đơn, bị đơn) đồng thời lại Quyết định giao thửa đất trên (thửa số 24, tờ bản đồ 36, tiểu khu Đ, thị trấn Đ) cho ông Hoàng Duy Đ tiếp tục quản lý, sử dụng, là đánh giá không đúng bản chất sự việc; làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cả nguyên đơn và bị đơn. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án thì ông Hoàng Duy Đ không có yêu cầu độc lập về việc đòi lại thửa đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại quyết định giao thửa đất trên cho ông Hoàng Duy Đ là vượt quá yêu cầu khởi kiện.

[7] Theo biên bản thẩm định ngày 23/3/2020 của TAND tỉnh Quảng Bình và biên bản thẩm định ngày 16/12/2021 của TAND huyện Tuyên Hóa thể hiện: *Trên mảnh đất thứ 3 (trước đây có ngôi nhà cũ của ông Lê Văn T5 để lại, đã bị phá dỡ) hiện đang có công trình xây dựng của bà Phạm Thị H*. Theo lời trình bày của bà Phạm Thị H thì ông S cho bà H thuê đất từ năm 2019 và bà H đã xây dựng trên đó một ngôi nhà ống, mái xuôi diện tích khoảng 7x20m để kinh doanh và hiện nay bà H vẫn sử dụng để kinh doanh. Lời khai này của bà H cũng được ông S xác định là đúng sự thực. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Phạm Thị H vào tham gia tố tụng với tư cách "*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan"* trong vụ án, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[8] Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn có thiếu sót trong việc xử lý tiền tạm ứng chi phí tố tụng như: Tổng số tiền chi phí tố tụng mà ông H1 đã nộp tạm ứng 03 lần là 9.729.000 đồng, nhưng trong bản án chỉ xử lý số tiền 7.729.000 đồng là xem xét chưa hết số tiền mà ông H1 đã nộp.

Đối với số tiền 300.000 đồng mà ông H1 đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai số: AA/2015/0002331 ngày 3/7/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Tuyên Hóa, cũng chưa được xử lý. Trong trường hợp này vì bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã bị Cấp giám đốc thẩm hủy và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa giải quyết sơ thẩm lại, do đó khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án thì Tòa án sơ thẩm cũng phải xem xét để xử lý triệt để số tiền này cho ông H1.

[9] Từ những nội dung đã phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy những sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm không thể bổ sung tại phiên tòa phúc thẩm, nên cần chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Thanh H1 để hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2022/DSST ngày 12/7/2022 v/v tranh chấp phân chia di sản của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[10] Do kháng cáo của ông Lê Thanh H1 được chấp nhận nên ông H1 không phải chịu án phí phúc thẩm, trả lại cho ông H1 số tiền đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa. Nghĩa vụ chịu án phí và chi phí tố tụng khác được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí toà án.

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Thanh H1, tuyên hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2022/DSST ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa về "Tranh chấp di sản thừa kế" giữa nguyên đơn: ông Lê Thanh H1, ông Lê Quốc H2, ông Lê Mạnh H3, ông Lê Chí M, bà Lê Thị T1, bà Lê Thị Hồng M1, bà Lê Thị Kim T2 và bà Lê Thị Kim T3 đối với bị đơn: ông Lê Văn S.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Lê Thanh H1 không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại cho ông Lê Thanh H1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai số: 31AA/2021/0000118 ngày 27/7/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Nghĩa vụ chịu án phí và chi phí tố tụng khác được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (02/3/2023).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND H. Tuyên Hóa;
- TAND H.Tuyên Hóa;
- Chi cục THADS H.Tuyên Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Hữu Sỹ